

# ĐÓNG GÓP CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● PHẠM ĐÌNH TÀI

## TÓM TẮT:

Hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ngày càng khẳng định vị trí, vai trò trong nền kinh tế thông qua đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, phúc lợi và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động. Một trong những mặt nội bật của các DNNVV là đóng góp vào ngân sách nhà nước. Bài viết này đánh giá thực trạng đóng góp từ các DNNVV vào ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM), chỉ ra được những thành quả và hạn chế. Từ những hạn chế trong giai đoạn vừa qua, nhóm tác giả gợi ý những chính sách để hỗ trợ các DNNVV phát triển, cũng như đóng góp nhiều hơn trong ngân sách nhà nước.

**Từ khóa:** thuế doanh nghiệp nhỏ và vừa, đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh.

## 1. Khái niệm về doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo Karl Marx (Các Mác, 1818 - 1883), lịch sử ra đời và phát triển của nền sản xuất hàng hóa gắn liền với sự ra đời và phát triển của các DN. Trong giai đoạn đầu (nền kinh tế hàng hóa giản đơn), người chủ sở hữu tư liệu sản xuất cũng là người thợ sản xuất, vừa là người quản lý công việc của mình (gia đình mình), sản phẩm sau khi được tạo ra cũng là do họ mang lên trao đổi, mua bán trên thị trường, đó là hình thức doanh nghiệp cá thể, doanh nghiệp gia đình được hình thành (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Theo Dawn DeTienne & Karl Wennberg (2014), các yếu tố thường xuất hiện trong các định nghĩa về DNNVV bao gồm: vốn đầu tư; số lao động/ nhân công; năng suất hay doanh thu. Còn theo Javed Jasra và các cộng sự (2011), DNNVV được định nghĩa là một doanh nghiệp (không phải là một công ty

trách nhiệm hữu hạn), có từ 250 công nhân trong các ngành sản xuất và dịch vụ.

Ở nước ta, ngày 11/3/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của quy định về chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV thay thế Nghị quyết số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009. Theo đó, DNNVV được phân theo quy mô gồm DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa. Tiêu thức phân loại DNNVV của Việt Nam từ năm 2018 cụ thể như sau (Bảng 1).

Việc phân loại này đã rất chi tiết để xác định được các DNNVV theo quy mô về lao động, vốn hoặc theo tổng doanh thu của DN trong tất các lĩnh vực từ nông/lâm/thủy sản, công nghiệp/xây dựng và thương mại dịch vụ. Tiêu chí này cũng tiệm cận và phù hợp với việc phân loại DNNVV của các nước trên thế giới trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 đã và đang diễn ra.

**Bảng 1. Tiêu thức phân loại DNNVV của Việt Nam năm 2018**

| Khu vực                                                 | Quy mô                                                                                                                      |                                                                                                                                |                                                                                                                                  |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                         | DN siêu nhỏ                                                                                                                 | DN nhỏ                                                                                                                         | DN vừa                                                                                                                           |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản<br>Công nghiệp và xây dựng | Số lao động tham gia BHXH bình quân $\leq 10$ người/năm Doanh thu $\leq 3$ tỷ đồng/năm Hoặc tổng nguồn vốn $\leq 3$ tỷ đồng | Số lao động tham gia BHXH bình quân $\leq 100$ người/năm Doanh thu $\leq 50$ tỷ đồng/năm Hoặc tổng nguồn vốn $\leq 20$ tỷ đồng | Số lao động tham gia BHXH bình quân $\leq 200$ người/năm Doanh thu $\leq 200$ tỷ đồng/năm Hoặc tổng nguồn vốn $\leq 100$ tỷ đồng |
| Thương mại và dịch vụ                                   | Số lao động tham gia BHXH bình quân $\leq 10$ người/năm Doanh thu $\leq 3$ tỷ đồng/năm Hoặc tổng nguồn vốn $\leq 3$ tỷ đồng | Số lao động tham gia BHXH bình quân $\leq 50$ người/năm Doanh thu $\leq 100$ tỷ đồng/năm Hoặc tổng nguồn vốn $\leq 50$ tỷ đồng | Số lao động tham gia BHXH bình quân $\leq 100$ người/năm Doanh thu $\leq 300$ tỷ đồng/năm Hoặc tổng nguồn vốn $\leq 100$ tỷ đồng |

Nguồn: Nghị định số 39/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ DNNVV

## 2. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế

Trong những năm gần đây, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các doanh nghiệp nhỏ đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế và hoạt động. Trong bối cảnh các nước phát triển, David B. Audretsch và A Roy Thurik (2001) cho rằng, một "nền kinh tế phát triển" dựa trên các doanh nghiệp nhỏ đã xuất hiện do đổi mới viễn thông, cách mạng vi xử lý và cạnh tranh với chi phí thấp, nhưng có tay nghề cao (chủ yếu ở Đông Âu và châu Á). Ở các nước phát triển, các DNNVV là nhân tố tạo ra tăng trưởng kinh tế dựa trên các công nghệ mới. Ví dụ, David Audretsch & Max Keilbach (2004) cùng Julian M. Miller (2019) đã đo lường mức độ tin cậy bằng cách sử dụng tỷ lệ khởi nghiệp và tìm thấy tác động tích cực của vốn kinh doanh đối với tăng trưởng ở Đức. Hoặc, nghiên cứu của Joilson Giorno & John Mcdermott (2006) cho rằng, ngoài việc đánh giá tăng trưởng kinh tế hiện đại không chỉ phụ thuộc vào nguồn nhân lực và thể chế, mà còn phụ thuộc vào vai trò của các doanh nghiệp. Như vậy, qua các nghiên cứu cho thấy DNNVV có vai trò lớn trong nền kinh tế.

## 3. Những đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua

Thuế là nguồn thu chủ yếu, lâu dài và quan trọng của Nhà nước, nhằm huy động một phần của

cải của vật chất trong xã hội vào ngân sách nhà nước. Nguồn thu này mang tính chất bền vững, là khoản thu bắt buộc và mọi cá nhân, tổ chức phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với việc nộp thuế. Nguồn thu về thuế có tác dụng kích thích tăng trưởng kinh tế, điều tiết nền kinh tế vĩ mô, tạo nên cơ cấu kinh tế hợp lý. Việc các DNNVV nộp thuế hàng năm đã giúp ngân sách nhà nước có nguồn thu để trang trải cho các hoạt động đầu vào cần thiết phục vụ sản xuất các hàng hóa và dịch vụ công của Chính phủ, nhằm phát triển kinh tế. (Bảng 2)

Từ Bảng 2 cho thấy, trong giai đoạn 2011 – 2015, thuế nộp từ DNNVV tăng liên tục qua các năm, cụ thể: năm 2011 thu 21.463 tỷ đồng, năm 2012 là 33.326 tỷ đồng. Tuy nhiên, do bị tác động và ảnh hưởng xấu của tình hình kinh tế thế giới và những khó khăn trong nước, kinh tế Thành phố năm 2012 gặp nhiều khó khăn, sức mua của thị trường giảm, hàng tồn kho tăng cao, DNNVV khó có điều kiện tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản hoạt động trì trệ,... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này dẫn tới việc các DNNVV sụt giảm doanh thu và kéo theo mức đóng góp ngân sách trong năm 2013 chỉ còn đạt 21.499 nghìn tỷ đồng. Để hạn chế, khắc phục những khó khăn mà DN phải đối mặt, chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012, theo đó các DNNVV và doanh

**Bảng 2. Đóng góp vào ngân sách của khu vực DNNVV giai đoạn 2011 - 2019**

(ĐVT: Tỷ đồng)

|                                     | 2011          | 2012          | 2013          | 2014          | 2015          | 2016          | 2017          | 2018           | 2019           |
|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|
| <b>Tổng số</b>                      | <b>21.463</b> | <b>33.326</b> | <b>21.499</b> | <b>22.663</b> | <b>25.205</b> | <b>69.989</b> | <b>87.922</b> | <b>106.321</b> | <b>106.823</b> |
| <i>Theo thành phần kinh tế</i>      |               |               |               |               |               |               |               |                |                |
| DN nhà nước                         | 310           | 376           | 375           | 347           | 293           | 946           | 1.374         | 1.455          | 1.462          |
| DN ngoài nhà nước                   | 19.115        | 31.088        | 18.662        | 19.654        | 21.976        | 54.670        | 67.479        | 81.721         | 82.113         |
| DN có vốn đầu tư nước ngoài         | 2.038         | 1.862         | 2.462         | 2.661         | 2.936         | 14.372        | 19.069        | 23.145         | 23.248         |
| <i>Theo khu vực kinh tế</i>         |               |               |               |               |               |               |               |                |                |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | 20            | 8             | 6             | 14            | 10            | 10            | 121           | 403            | 407            |
| Công nghiệp - xây dựng              | 5.754         | 8.553         | 6.245         | 6.481         | 6.649         | 12.735        | 18.100        | 21.413         | 21.502         |
| Dịch vụ                             | 15.689        | 24.765        | 15.248        | 16.168        | 18.546        | 57.245        | 69.701        | 84.505         | 84.915         |

Nguồn: Niên giám Chi cục Thống kê TP. HCM và Tổng cục Thống kê

ngành sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản,... được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp. Gia hạn 6 tháng phải nộp thuế TNDN (Quốc hội, 2012). Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 cũng quy định giảm 50% số thuế GTGT đầu ra từ ngày 1/7/2013 - 30/6/2014 đối với hoạt động đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội của doanh nghiệp. Giảm 30% số thuế GTGT đầu ra từ ngày 01/7/2013 - 30/6/2014 đối với hoạt động đầu tư - kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở là căn hộ có diện tích sàn dưới 70m<sup>2</sup> và có giá bán dưới 15 triệu đồng/m<sup>2</sup> (Quốc hội, 2012). Từ sự hỗ trợ này, năm 2014 và năm 2015, tình hình kinh tế, sản xuất, xã hội mới ổn định lại và mức đóng thuế của các DNNVV trên địa bàn Thành phố đã tăng nhẹ lên ở mức 22.663 nghìn tỷ đồng và 25.205 nghìn tỷ đồng.

Giai đoạn 2016 - 2018, nền kinh tế của Thành phố ổn định, sức mua của thị trường tăng trở lại, hàng tồn kho giảm, dẫn tới doanh thu của các DNNVV được phục hồi và kéo theo số thuế nộp từ các DNNVV giai đoạn này tăng cao. Năm 2016 là 69.989 tỷ đồng, năm 2017 là 87.922 tỷ đồng, năm 2018 là 106.321 tỷ đồng. Tuy nhiên, cuối năm 2019, dịch Covid-19 diễn ra và đầu năm 2020 đã

ảnh hưởng đến tình hình sản xuất - kinh doanh của DNNVV. Do đó, để hỗ trợ cho DNNVV, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế TNDN tạm nộp quý I, II của kỳ tính thuế năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế TNDN thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 5 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế TNDN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (Quốc hội, 2020). Bình quân giai đoạn 2016 - 2019, thuế DNNVV nộp vào ngân sách tăng trưởng 15,14%. (Bảng 3)

Bảng 3 cho thấy, trong giai đoạn 2011 - 2015, tỷ trọng đóng góp vào tổng thu ngân sách, tỷ trọng đóng góp vào thu nội địa và tỷ trọng đóng góp trong thu từ DN và cá nhân SX-KD hàng hóa và dịch vụ của DNNVV tăng, giảm không đều. Song đến giai đoạn 2016 - 2019, các tỷ trọng đóng góp có xu hướng tăng dần qua các năm, với mức bình quân cả giai đoạn là 19,11%/năm trong tổng số thu ngân sách trên địa bàn Thành phố. Như vậy, giai đoạn 2011 - 2019, tỷ trọng thu từ các DNNVV đều tăng qua các năm, cho thấy các chính sách hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đã giúp các DNNVV

**Bảng 3. Tỷ trọng đóng góp của DNNVV vào ngân sách TP. HCM giai đoạn 2011 - 2019**

(ĐVT: tỷ đồng)

|                                                   | Công thức | 2011           | 2013           | 2015           | 2017           | 2018           | 2019           | Bình quân      |
|---------------------------------------------------|-----------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>Tổng số</b>                                    | <b>1</b>  | <b>217.954</b> | <b>252.228</b> | <b>300.835</b> | <b>345.002</b> | <b>378.375</b> | <b>410.862</b> | <b>307.145</b> |
| Thu nội địa                                       | 2         | 102.537        | 118.660        | 156.481        | 218.104        | 244.751        | 269.207        | 170.980        |
| Thu từ DN và cá nhân SXKD hàng hóa, dịch vụ       | 3         | 68.344         | 84.527         | 105.109        | 128.563        | 145.045        | 157.493        | 108.968        |
| Thu từ DNNVV                                      | 4         | 21.463         | 21.499         | 25.205         | 87.922         | 106.321        | 106.823        | 58.686         |
| + Tỷ trọng đóng góp vào tổng thu NS (%)           | 4/1       | 9,85           | 8,52           | 19,34          | 25,48          | 28,10          | 26,00          | 19,11          |
| + Tỷ trọng đóng góp so với thu nội địa (%)        | 4/2       | 20,93          | 18,12          | 37,18          | 40,31          | 43,44          | 39,68          | 34,32          |
| + Tỷ trọng đóng góp so với DN và cá nhân SXKD (%) | 4/3       | 31,40          | 25,43          | 55,34          | 68,39          | 73,30          | 67,83          | 53,86          |

Nguồn: Tính toán của tác giả dựa vào dữ liệu từ Niên giám Thống kê TP. HCM và Tổng cục Thống kê

ổn định sản xuất, vượt qua được giai đoạn khó khăn của nền kinh tế.

Mặc dù đạt được một số thành quả nhất định, việc đóng góp vào ngân sách của các DNNVV TP. HCM vẫn còn một số hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, các DNNVV có xuất phát điểm là các DN có vốn nhỏ, nên dẫn tới gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi. Điều này dẫn tới khi gặp những khó khăn bên ngoài thị trường sẽ làm cho DNNVV dễ bị tác động, phải thu hẹp sản xuất, thậm chí dễ bị phá sản hơn so với các DN lớn. Bên cạnh đó, việc khó tiếp cận nguồn vốn làm các DNNVV hạn chế về khả năng mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường; hạn chế khả năng tiếp cận thông tin; hạn chế về khả năng tiếp cận đất đai, các nguồn vốn. Những hạn chế này dẫn tới hiệu quả sản xuất - kinh doanh của DNNVV chưa cao, lợi nhuận thấp, ảnh hưởng đến doanh thu, cũng như khả năng đóng góp vào ngân sách của Thành phố.

*Thứ hai*, mặc dù tỷ trọng đóng góp vào nguồn thu ngân sách qua các năm tăng, nhưng tỷ trọng này vẫn còn rất hạn chế, chưa tương xứng với số

lượng DNNVV chiếm tỷ lệ từ 95% (năm 2011) lên đến 98% (năm 2019) trong tổng số DN trên địa bàn Thành phố. Bên cạnh đó, thu ngân sách tăng chủ yếu tập trung vào các khoản thu mang tính hữu hạn và phụ thuộc vào tài nguyên quốc gia như đất đai, trong khi các nguồn thu từ các ngành sản xuất còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh Thành phố đặt mục tiêu trở thành nền kinh tế số trong thời gian tới.

*Thứ ba*, mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã liên tục cắt giảm lãi suất cho vay trong giai đoạn 2011 - 2020, nhưng so với các nước trong khu vực như Trung Quốc, Singapo, Malaysia,... lãi suất của nước ta vẫn còn khá cao. Khảo sát của tổ chức Ngân hàng Thế giới có đến 50% phản ánh từ các DNNVV cho biết lãi suất trong giới gian vừa qua cao (Word bank, 2018). Điều này sẽ tác động ảnh hưởng đến chi phí vốn của DNNVV, làm cho khối DN này gặp khó khăn trong việc sản xuất.

#### **4. Giải pháp tăng cường đóng góp của doanh nghiệp nhỏ và vừa Thành phố Hồ Chí Minh vào ngân sách nhà nước trong thời gian tới**

Để các DNNVV trên địa bàn TP. HCM phát triển, kinh doanh có hiệu quả và đóng góp nhiều

hơn trong ngân sách nhà nước, trong giai đoạn sắp tới, cần thực hiện một số biện pháp sau:

*Thứ nhất*, để DNNVV dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, Chính phủ cần triển khai quyết liệt hơn nữa các đề án hỗ trợ các DNNVV. Bên cạnh đó, thông qua các hiệp hội DN, chính phủ đối thoại, lắng nghe để khắc phục những bất cập trong quá trình triển khai luật, nghị định, thông tư trong thực tiễn.

*Thứ hai*, theo nhóm tác giả, để khuyến khích chủ cơ sở sản xuất - kinh doanh chuyển đổi từ hộ lên doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2019, cần miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh. Sau thời gian này, đối với các trường hợp thuộc diện tiếp tục miễn, ưu đãi thuế thì sẽ hưởng thuế suất ưu đãi theo thuế TNDN. Các trường hợp còn lại sẽ thực hiện theo mức thuế suất TNDN theo quy định.

*Thứ ba*, đối với Thành phố, để đạt được mục

tiêu trở thành trung tâm kinh tế tài chính trong khu vực, Chính phủ cần có chính sách thuế ưu đãi đối với các ngành có giá trị gia tăng lớn, như: lĩnh vực công nghệ thông tin, sản xuất công nghệ cao, y tế, giáo dục, nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

*Thứ tư*, để hỗ trợ DNNVV phục hồi sản xuất - kinh doanh sau những lần tác động của thị trường, trong những trường hợp nhất định, cho phép miễn thuế GTGT cho các DN quy mô nhỏ trên địa bàn Thành phố, cắt giảm, hoặc miễn thuế sử dụng đất trong 2 năm. Ngoài ra, có thể dời thời hạn đóng thuế sang năm liền kề để tăng cường khả năng hồi phục trong các DN.

*Thứ năm*, chính quyền các cấp cần tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các DNNVV, chống các hành vi gian lận thuế GTGT, trốn thuế. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các chủ DN về việc đóng thuế là quyền và nghĩa vụ cần phải thực hiện ■

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nhà xuất bản: Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Caroline Verzat and Rémi Bachelet (2006). Developing an Entrepreneurial Spirit Among Engineering College Students: What are the Educational Factors?. In: Alain Fayolle (ed.), *International Entrepreneurship Education, chapter 11*. United Kingdom: Edward Elgar Publishing.
3. Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh (2018). Ấn phẩm Kết quả điều tra “*Thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011- 2016*”.
4. David Audretsch & Max Keilbach (2004). Entrepreneurship capital and economic performance. *Regional Studies*, 38, 949-959.
5. David B. Audretsch, A. Roy Thurik (2001). What's new about the new economy? Sources of growth in the managed and entrepreneurial economies. *Industrial and Corporate Change*, 10, 267 - 315.
6. Dawn DeTienne & Karl Wennberg (2014). Small business exit: Review of past research, theoretical considerations and suggestions for future research. In S. Newbert (Ed). *W.Small businesses in a global economy: Creating and managing successful organizations* (pp. 2-29). Westport: Praeger.
7. Javed Jasra, Ahmed Imran Hunjra, Aziz Ur Rehman, Rauf I. Azam, Muhammad Asif Khan (2011). Determinants Of Business Success Of Small And Medium Enterprises. *International Journal of Business and Social Science*, 2(20), 274-280.
8. Joilson Giorno & John McDermott (2006). Institutions, education, and development: The role of entrepreneurs. *Journal of Development Economics*, 80, 299-328.
9. Julian M. Müller (2019), Business model innovation in small-and medium-sized enterprises: Strategies for industry 4.0 providers and users. *Journal of Manufacturing Technology Management*.

10. Chính phủ (2018). *Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*.
11. Quốc hội (2012). *Nghị quyết số 29/2012/QH13 về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân*.
12. Quốc hội (2012). *Nghị quyết số 13/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường*.
13. Quốc hội (2020). *Nghị định số 41/2020/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất*.
14. Richard R. Nelson, Edmund S. Phelps (1966). Investment in Humans - Technological Diffusion and Economic Growth. *The American Economic Review*, 56 (1/2), 69-75.
15. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh năm 2017*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
16. Tổng cục Thống kê (2019). *Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh năm 2018*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
17. Tổng cục Thống kê (2020). *Niên giám thống kê TP. Hồ Chí Minh năm 2019*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

**Ngày nhận bài: 6/7/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/8/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 13/8/2022**

*Thông tin tác giả:*

**ThS. PHẠM ĐÌNH TÀI**

**Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

## THE CONTRIBUTION OF SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN HO CHI MINH CITY TO THE STATE BUDGET

● Master. **PHAM DINH TAI**

Lecturer, Faculty of Information Technology

Nguyen Tat Thanh University

### **ABSTRACT:**

Small and medium-sized enterprises (SMEs) increasingly affirm their positions and roles in the national economy through their contributions to the country's economic growth, job creation, improvements of employers' welfare and quality of life. One of the greatest contributions of SMEs is their contribution to the state budget. This paper assesses the current contribution of SMEs in Ho Chi Minh City to the state budget, points out the achievements and limitations. Based on the paper's findings, some policy recommendations are made to facilitate the development of SMEs and their contribution to the state budget.

**Keywords:** taxation of small and medium-sized enterprises, contribution of small and medium-sized enterprises, small and medium-sized enterprises in Ho Chi Minh City.